

# Xây dựng hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Võ An Hải\*

\*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Received: 20/12/2023; Accepted: 27/12/2023; Published: 4/01/2024

**Abstract:** Training soft skills for students is a very important goal in the university training process. The most effective path to developing soft skills. For students, it is practice, practice, and life experience. These activities are specified by a system of exercises. The system of soft skills training exercises for students mentioned in the article is the type of exercises used for practice and practice. This is a good condition for students to promote positivity and initiative in the process of self-training soft skills.

**Keywords:** Soft skills, exercise system, lecturers, students

## 1. Mở đầu

Rèn luyện kỹ năng mềm (KNM) cho sinh viên (SV) là một mục tiêu rất quan trọng trong quá trình đào tạo ở trường đại học. Để nâng cao năng lực cho bản thân, SV cần lĩnh hội những tri thức đã tiếp thu được và chuyển hóa chúng thành các kỹ năng để giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống xuất hiện trong thực tế cuộc sống. Người làm chủ được kỹ năng phải vừa nắm vững những kiến thức lí thuyết về hành động, phương pháp hành động, vừa phải biết vận dụng những điều đó vào thực tế một cách hiệu quả.

Con đường hiệu quả nhất để phát triển KNM là thực hành, luyện tập, là sự trải nghiệm trong cuộc sống. Các hoạt động này được cụ thể hóa bằng một hệ thống bài tập (HTBT), khi thực hiện tốt những yêu cầu của mỗi bài tập, SV sẽ được trải nghiệm kiến thức lí thuyết, sẽ có thêm kinh nghiệm, sự khéo léo trong quá trình thực hiện để đạt được hiệu quả nhất định. Giải quyết toàn bộ những yêu cầu của HTBT sẽ giúp cho SV phát triển được các KNM tương ứng. Vấn đề đặt ra là phải xác định chính xác, khoa học những KNM cần phát triển cho SV trong một học phần cụ thể trước khi xây dựng HTBT, nếu không việc rèn luyện KNM sẽ lệch trọng tâm do thiếu định hướng. Ngược lại nếu đã xác định được những KNM cần thiết nhưng lại chưa có HTBT để luyện tập thì những KNM hữu ích được kì vọng không thể hình thành và phát triển ở mỗi SV.

HTBT tập rèn luyện KNM cho SV được đề cập trong bài viết là kiểu bài dùng để luyện tập khi học KNM. SV có thể thực hành trên lớp dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên (GV), GV có thể giao nhiệm vụ cho mỗi SV/nhóm SV thực hiện ngoài giờ lên lớp. Đây là điều kiện tốt để SV phát huy tính tích

cực, chủ động trong quá trình tự rèn luyện KNM.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm về bài tập rèn luyện KNM

Bài tập là các nhiệm vụ học tập mà GV đặt ra cho SV thực hiện, được trình bày dưới dạng câu hỏi hay những yêu cầu hoạt động buộc SV tái hiện những kiến thức, giải quyết vấn đề trên cơ sở những điều đã biết hoặc kết nối những kiến thức, giải quyết vấn đề dựa trên việc tìm kiếm phương pháp mới qua đó lĩnh hội tri thức, rèn luyện và phát triển kỹ năng.

HTBT là một tập hợp với nhiều bài tập khác nhau được xếp thành các nhóm theo một trình tự có chủ đích nhất định. Thông thường để đảm bảo tính khoa học về quá trình nhận thức của người học, HTBT sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ những kiến thức đơn lẻ đến những kiến thức tổng hợp nhằm rèn luyện, phát triển những kỹ năng cụ thể cho người học.

Bài tập rèn luyện KNM là kiểu bài tập mà SV tiếp cận các nhiệm vụ học tập, vận dụng tri thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, sự trải nghiệm của bản thân để thực hiện nhiều lần hướng tới mục tiêu rèn luyện, phát triển KNM cho chính mình.

### 2.2. Nội dung và quy trình xây dựng hệ thống bài tập

Việc xây dựng HTBT cần tuân thủ nghiêm ngặt theo một trình tự và nguyên tắc xác định mới đảm bảo được tính khoa học. Xây dựng HTBT trong học phần KNM phải trải qua các bước với những công việc cụ thể theo một trình tự logic chặt chẽ tạo thành tính hệ thống trong quá trình xây dựng.

Quy trình xây dựng HTBT ở phần KNM được thực hiện với những bước sau đây:

*Bước 1: Xác định mục đích xây dựng HTBT*

Đây là bước đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng trong toàn bộ quy trình xây dựng HTBT, nó trả lời cho câu hỏi xây dựng HTBT để làm gì? Vì trong mọi hành động nói chung, việc xác định rõ mục đích là một yêu cầu có tính nguyên tắc để hành động đó đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc xác định mục đích xây dựng HTBT là cơ sở để định hướng lựa chọn nội dung và hình thức xây dựng HTBT. Trong thực tế, mỗi HTBT không chỉ hướng vào một mục đích duy nhất mà luôn có sự phối hợp giữa các mục đích khác nhau. HTBT rèn luyện KNM xây dựng sẽ hướng vào đích trọng tâm là phát triển các KNM

#### *Bước 2: Xác định chủ đề của HTBT*

Việc xác định chủ đề của HTBT chính là đặt tên cho toàn bộ HTBT và từng nhóm bài tập. Chủ đề của HTBT sẽ bao quát và định hướng toàn bộ nội dung bài tập được xây dựng. Việc xác định tên gọi của HTBT tương ứng với những nội dung học tập nhằm rèn luyện và phát triển KNM cho SV. Các chủ đề của HTBT mà tác giả xác định cho SV Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là HTBT kỹ năng thuyết trình; Giao tiếp - ứng xử; Làm việc nhóm; Tự học ở bậc đại học; Ứng phó với căng thẳng; Tự nhận thức bản thân và tìm kiếm việc làm.

#### *Bước 3: Xác định các dạng bài tập sẽ xây dựng*

Dựa trên yêu cầu của việc dạy học phát triển kỹ năng, trên cơ sở phân tích chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và năng lực thực tế của SV Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, các dạng bài tập cơ bản của HTBT gồm:

+ *Bài tập nhận diện*: SV nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nêu lên/ nhận ra chúng khi được yêu cầu hoặc hiểu được sự liên kết logic giữa các khái niệm cơ bản và kết nối được những tri thức đó với thực tiễn.

+ *Bài tập tạo lập*: SV có thể sử dụng các khái niệm về môn học để vận dụng theo các cách tương tự như GV đã hướng dẫn, hoặc sử dụng những tri thức về môn học để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học hoặc trình bày trong giáo trình. Đây là những vấn đề giống với các tình huống SV sẽ gặp trong cuộc sống và trong nghề nghiệp tương lai.

+ *Bài tập đánh giá*: SV có khả năng đánh giá những ưu điểm, hạn chế về kết quả hay sản phẩm của mình hoặc của người khác. Biết nhận ra những hạn chế/sai sót trong khi bản thân/hoặc người khác thực hiện yêu cầu, có phương hướng khắc phục những sai sót/hạn chế đó.

#### *Bước 4: Xây dựng cấu trúc HTBT*

Xây dựng cấu trúc HTBT giúp người thiết kế hình dung một cách dễ dàng về tổng thể HTBT như: số lượng và chủ đề của mỗi bài tập, các dạng bài tập. Trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung đảm bảo tốt nhất những nội dung học tập quan trọng được thực hiện thông qua HTBT. Tuy nhiên, HTBT phục vụ cho việc dạy học một môn học, bài học luôn là một hệ thống mở ở nhiều phương diện: số lượng, nội dung và yêu cầu đánh giá bài tập.

Cấu trúc HTBT cho thấy độ phủ về nội dung của từng nhóm bài tập và toàn bộ HTBT. Mỗi nhóm bài tập có vị trí, vai trò riêng trong việc phát triển một KNM bộ phận, nhưng chúng lại có mối quan hệ thống nhất, biện chứng với các nhóm bài tập khác trong HTBT cùng hướng tới việc rèn luyện KNM cho SV.

#### *Bước 5: Thực hiện xây dựng HTBT KNM*

HTBT KNM phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Có mức độ khó khác nhau, mô tả rõ kiến thức, kỹ năng, yêu cầu, định hướng các năng lực cần hình thành cho SV;

- Hỗ trợ cho học tích lũy: Liên kết nội dung xuyên suốt, giúp nhận biết được sự tiến bộ về năng lực, vận dụng kiến thức đã học của SV;

- Hỗ trợ cá nhân hóa việc học: Chuẩn đoán và khuyến khích cá nhân, gắn trách nhiệm SV với việc học, khắc phục tâm lý ngại sai lầm mà coi sai lầm là bài học cho mình;

- Được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra và có tích hợp KNM;

- Tích cực hóa nhận thức và tư duy sáng tạo của SV;

- Đa dạng hóa cách thức, phương pháp giải quyết vấn đề khác nhau;

- Phân hóa được trình độ, năng lực của SV;

#### *Bước 6: Thử nghiệm và điều chỉnh HTBT*

Kiểm tra thử nghiệm HTBT là một việc làm hết sức cần thiết nhưng có nhiều khó khăn liên quan tới các điều kiện thực hiện như: thời gian, nguồn lực, kinh phí. HTBT được thử nghiệm qua thực tiễn bằng cách sử dụng chúng trong quá trình dạy học, từ đó GV tự đánh giá ưu nhược điểm của từng bài tập cụ thể. Hoặc có sự trao đổi giữa các GV với nhau hoặc giữa GV với SV để lấy ý kiến về tính khả thi, tính hiệu quả và chất lượng của HTBT, là cơ sở để đánh giá và điều chỉnh lại HTBT đã xây dựng. Có thể xây dựng và khảo nghiệm một số lượng bài tập nhất định với mục đích thử nghiệm, phân tích kết quả, làm cơ sở để triển khai trong thực tiễn.

### 3. Kết luận

Xây dựng HTBT để phát triển KNM là một yếu tố cực kỳ quan trọng giúp mỗi SV thích nghi với cuộc sống và công việc trong tương lai. Để xây dựng và triển khai HTBT đòi hỏi GV phải có kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực sư phạm tốt để thiết kế, tổ chức được các hoạt động dạy học hướng vào SV nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của SV.

Tùy thuộc vào điều kiện thực tế như: lịch học của nhà trường, thời lượng dành cho nội dung dạy học, đối tượng dạy học để xây dựng HTBT trên những phương diện: nội dung, yêu cầu, cách thức thực hiện,

tiêu chí đánh giá.

#### Tài liệu tham khảo

1. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB giáo dục, Hà Nội.
2. Phạm Minh Hạc (2001), *Phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thế Ngữ (1998), *Giáo dục học*, NXB Khoa học kỹ thuật giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội

## Kết quả giáo dục hoà nhập bậc học Mầm non... (tiếp theo trang 157)

### 2.4. Kết quả giáo dục hoà nhập sau 1 học kì

Thang phát triển	P	E	F	Tuổi phát triển từng lĩnh vực (tháng tuổi)
Bắt chước (I)	14	2	0	48 tháng
Tri giác (P)	12	1	0	46 tháng
Vận động tinh (FM)	11	3	1	36 tháng
Vận động thô (GM)	17	1	0	52 tháng
Phối hợp tay mắt (EH)	9	1	5	45 tháng
Nhận thức thể hiện (CP)	14	3	11	31 tháng
Nhận thức ngôn ngữ (CV)	12	6	9	38 tháng
Điểm số phát triển	<b>89</b>			
Tuổi phát triển	<b>40 tháng</b>			
Chỉ số phát triển (DQ) = $40/48 \times 100 = 83$				
Chú thích: P: Đạt E: Có khả năng F: Không đạt				

(1) Bắt chước: L có thể bắt chước được hoạt động của khá nhiều đồ vật. L cũng tích cực bắt chước phát âm khi GV luyện phát âm cho con.

(2) Tri giác: Tương tác mắt của L đã tốt hơn nhưng vẫn còn ngán. Khả năng tập trung chú ý vào các hoạt động có chủ đích của L đã tốt hơn.

(3) Vận động tinh: Vận động của các ngón tay và bàn tay cứng cáp và linh hoạt hơn. L đã có thể cầm bút vẽ nguệch ngoạc và tô màu được 1 số hình khối đơn giản nhưng còn lem ra ngoài nhiều.

(4) Vận động thô: Trẻ đi lại nhanh hơn, có thể tự bước lên cầu thang chậm không cần sự hỗ trợ, đứng được lâu hơn, có thể chạy chậm, bật được tại chỗ và bật về phía trước. Có thể cầm tốt các vật nhỏ, sự khéo

léo của các chi đã có tiến bộ, biết cầm bút để tô vẽ nguệch ngoạc.

(5) Phối hợp tay mắt: L thực hiện được nhiều hơn các hoạt động phối hợp tay mắt như: cầm nắm, thả khối, xếp chồng các hình khối...

(6) Nhận thức thể hiện: L thực hiện tốt các yêu cầu bằng lời nói. Các yêu cầu có 2 nhiệm vụ con còn hơi lúng túng.

(7) Nhận thức ngôn ngữ: Vốn từ của con đã được mở rộng hơn. L biết trả lời một số câu hỏi như: Cái gì? Ai? Ở đâu? Để làm gì?. Con đã nói được câu 4-5 từ thể hiện nhu cầu bản thân hoặc mô tả về sự vật, hiện tượng.

### 3. Kết luận

Quá trình thực hiện giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trong lớp mầm non được thực hiện theo quy trình chặt chẽ từ đánh giá tình trạng ban đầu, lên kế hoạch giáo dục cá nhân, thực hiện kế hoạch với sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường và cuối cùng là đánh giá lại. Kết quả cho thấy trẻ L đạt được tiến bộ sau quá trình hỗ trợ. Kết quả cũng chứng minh hiệu quả của giáo dục hoà nhập trong hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022*. Hà Nội
- [2]. Waslm Ahmad (2012), *Barriers of Inclusive Education for Children with Intellectual Disability*, Indian Streams Research Journal, ISSN:-2230-7850, Vol 2, Issue 2, p.1-4.
- [3]. Cornelius, Janaki (2012), *Inclusive Education for Students with Intellectual Disability*, Vol 23, No.2, doi 10.5463/DCID.v23i2.111, p.81-93.